

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án và dự toán, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
GPMB dự án Trường bản, thao trường huấn luyện
Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa/QK4**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 387/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/2/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và quy định về việc xác định giá trị bồi thường; số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Công văn số 3183/UBND-NN ngày 01/8/2006 của UBND tỉnh về việc địa điểm xây dựng thao trường huấn luyện tổng hợp tại khu vực núi Nưa, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2209/QĐ-BQP ngày 30/5/2019 của Bộ Quốc phòng về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình trường bản, thao trường huấn luyện năm 2019-2020 của các đơn vị thuộc Quân khu 4;

Căn cứ Mệnh trích đo địa chính số 01/TĐĐC - 2020, tỷ lệ 1/5000 của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 09/3/2020 Trích đo bản đồ địa chính Thao trường huấn luyện tổng hợp của bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa/QK4;

Căn cứ Quyết định số 9686/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB dự án: Xây dựng Trường bắn tổng hợp của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại xã Vân Sơn và xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn;

Xét Tờ trình số 1282/TTr-TNMT ngày 18/6/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án và dự toán, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Xây dựng Trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa/QK4 gồm các nội dung sau:

1. Đối tượng: Các hộ gia đình, cá nhân có đất, vật kiến trúc cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng trong khu vực thực hiện dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 10 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Vân Sơn, UBND xã Thái Hòa.

- Số hộ tái định cư: **Không.**

- Di chuyển mồ mả: **Không.**

- Số hộ có đất bị thu hồi: 10 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Vân Sơn, UBND xã Thái Hòa.

2. Tổng diện tích đất thu hồi: 206.847,5 m² đất Trong đó đất rừng sản xuất (RST) là 194.980,6 m² và 11.866,9 m² đất sông suối (SON).

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

3.1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất trồng rừng sản xuất bị thu hồi thì được bồi thường, hỗ trợ một lần bằng tiền.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ đất được áp dụng theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Vị trí các thửa đất thu hồi: Vị trí 1, giá đất bồi thường: 10.000đ/1m².

Hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất bằng 1 (một) theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3.2 Bồi thường cây cối, hoa màu.

Áp dụng Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc trên đất:

Áp dụng Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3.4 Các chính sách hỗ trợ khác.

Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 2.770.313.686 đồng.
(Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng)

Trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 1.949.806.000 đồng;
- Bồi thường cây cối hoa màu: 657.290.558 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc: 13.297.429 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng (5%): 131.919.699 đồng.

(Chi tiết có danh sách kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: Do Nhà đầu tư bố trí.

6. Tiến độ thực hiện: Quý III năm 2020.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm:

1. Chủ đầu tư Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Bố trí đầy đủ kinh phí để HĐ. BTGPMB huyện chi trả cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng phương án được duyệt.

2. Hội đồng BTGPMB huyện.

Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng phương án được duyệt và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

3. UBND Vân Sơn và UBND xã Thái Hòa.

Phối hợp với HĐ BT GPMB dự án huyện để tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng phương án được duyệt.

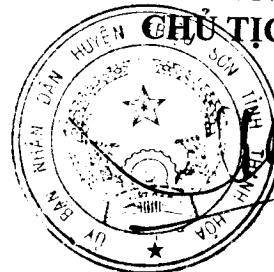
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài Chính - Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường, Kinh tế - Hạ tầng; Chủ tịch Hội đồng BT GPMB dự án huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND Vân Sơn và UBND xã Thái Hòa; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Đức Kính

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN
Xây dựng Trường bán tổng hợp của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại xã Vân Sơn và xã Thái Hoà, huyện Triệu Sơn.

(Kèm theo Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn)

| TT | SHS | Họ và tên | Địa chỉ | Loại đất | Số Tờ | Số thửa | Diện tích thu hồi (m ²) | Thành tiền (đồng) | | | Tổng |
|------------|------------------------------|-----------------|------------|----------|-------|---------|-------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | | | | | | Bồi thường hỗ trợ về đất | Bồi thường hỗ trợ vật kiến trúc | Bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu | |
| I | Xã Vân Sơn | | | | | | 7.320,7 | 45.833.000 | 13.297.429 | 25.559.771 | 84.690.200 |
| 1 | 4 | Lê Đình Thành | Thôn3 | RSX | 1 | 23 | 1.464,90 | 14.649.000 | | 4.998.971 | 19.647.971 |
| 2 | 5 | Lê Viết Lộc | Thôn 3 | RSX | 1 | 9 | 2.784,40 | 27.844.000 | 3.442.880 | 19.905.600 | 51.192.480 |
| 3 | 6 | Lê Quang Đức | Thôn 3 | RSX | 1 | 12 | 334,0 | 3.340.000 | 9.854.549 | 655.200 | 13.849.749 |
| 4 | 11 | UBND xã | Vân Sơn | SON | 1 | 14 | 2.737,4 | | | | 0 |
| II | Xã Thái Hoà | | | | | | 199.526,8 | 1.903.973.000 | | 649.730.786 | 2.553.703.786 |
| 1 | 1 | Lê Minh Tiến | Thái Phong | RSX | 1 | 15 | 62.399,0 | 623.990.000 | | 212.936.588 | 861.809.458 |
| | | | Thái Phong | RSX | 1 | 40 | 1.855,20 | 18.552.000 | | 6.330.870 | |
| 2 | 2 | Vũ Trọng Tuấn | Thái Minh | RSX | 1 | 16 | 62.766,70 | 627.667.000 | | 214.191.364 | 841.858.364 |
| 3 | 3 | Lê Viết Thành | Thái Phong | RSX | 1 | 21 | 44.489,20 | 444.892.000 | | 151.819.395 | 596.711.395 |
| 4 | 7 | Thiều Viết Xuân | Thái Phong | RSX | 1 | 19 | 8.497,50 | 84.975.000 | | 28.997.719 | 113.972.719 |
| 5 | 8 | Lê Viết Hào | Thái Phong | RSX | 1 | 22 | 390,60 | 3.906.000 | | 1.332.923 | 5.238.923 |
| 6 | 9 | Lê Thúc Vũ | Thái Phong | RSX | 1 | 27 | 3.792,20 | 37.922.000 | | 12.940.883 | 50.862.883 |
| 7 | 10 | Lê Đình Lộc | Thái Yên | RSX | 1 | 25 | 6.206,90 | 62.069.000 | | 21.181.046 | 83.250.046 |
| 8 | 12 | UBND xã | Thái Hòa | SON | 1 | 13 | 9.129,50 | | | | 0 |
| III | Tổng | | | | | | 206.847,50 | 1.949.806.000 | 13.297.429 | 675.290.558 | 2.638.393.987 |
| IV | Chi phí thực hiện *5% | | | | | | | | | | 131.919.699 |
| V | Tổng (III+IV) | | | | | | | | | | 2.770.313.686 |

(Tổng kinh phí BTGPMB: Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu, ba trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng)